

# CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VÀ SẢN XUẤT MỘC NỘI THẤT THANH TÙNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VÀ SẢN XUẤT MỘC NỘI THẤT THANH TÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH TUNG WOODEN FURNITURE PRODUCTION AND HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH TUNG WF CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400898286

3. Ngày thành lập: 19/11/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                  | 1622        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện, thủ công mỹ nghệ, mây tre, đan     | 1629(Chính) |
| 3.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác<br>- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho trường học | 3100        |
| 4.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                   | 1392        |
| 5.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                 | 1393        |
| 6.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                   | 1399        |
| 7.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                              | 2310        |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                            | 2393        |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                               | 2599        |
| 10. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                | 2750        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4211 |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212 |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221 |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                           | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4292 |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4293 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác<br>- Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác | 4322 |
| 27. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330 |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Cải tạo, sửa chữa và duy tu các công trình văn hoá, di tích lịch sử<br>- Phòng chống mối cho công trình xây dựng                                                                                                                                       | 4390 |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 30. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác                                                                                                                                                                                   | 4641 |
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                       | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 33. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752 |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4753 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như camera an ninh | 4759 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; hoạt động của đấu giá viên)                                                | 4773 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4784 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên)<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động trang trí nội thất</li> <li>- Thiết kế công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp thoát nước</li> <li>- Thiết kế và thi công sản xuất và lắp đặt hoàn thiện các loại biển quảng cáo Điện tử, Pano ngoài trời, trong nhà trên mọi chất liệu Meca, Alumax, Gỗ, Đồng, Thủy tinh, Pha lê, sắt thép ... Phục vụ các công trình Công cộng và dân dụng.</li> <li>- Tư vấn thiết kế và lắp đặt Khu vui chơi giải trí trong nhà, ngoài trời cho các Trường mầm non, Tiểu học và Trung Học cơ sở;</li> <li>- Thiết kế bàn ghế học sinh</li> </ul> | 7410 |
| 41. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình;</li> <li>- Thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, cầu đường bộ (cấp IV)</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7110 |
| 42. | <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4661 |
| 43. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 44. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết: Cho thuê ô tô</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 45. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3211 |
| 46. | <p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt các hệ thống camera an ninh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 47. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2022 |
| 48. | <p>Sản xuất sản phẩm từ plastic</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2220 |
| 49. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224 |
| 50. | <p>Cung ứng và quản lý nguồn lao động</p> <p>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7830 |
| 51. | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Khách sạn</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 52. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8531 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | <p><b>Quảng cáo</b><br/> Chi tiết: Cung cấp tất cả các lĩnh vực của dịch vụ quảng cáo (thông qua năng lực của tổ chức hoặc hợp đồng phụ), bao gồm tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo: Sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt...; quảng cáo trên không; phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; thiết kế vị trí và trình bày trên trang web;</li> <li>- Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuếch trương quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing.</li> </ul> <p>(Trừ quảng cáo thuốc lá)</p> | 7310 |
| 54. | <b>Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2640 |
| 55. | <p><b>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</b><br/> Chi tiết: Tổ chức triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại<br/> (Trừ hợp báo)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 56. | <b>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 57. | <b>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2592 |
| 58. | <p><b>Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt</b><br/> Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;</li> <li>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống</li> <li>- Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8129 |
| 59. | <p><b>Vệ sinh chung nhà cửa</b><br/> Chi tiết: Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn phòng,</li> <li>+ Căn hộ hoặc nhà riêng,</li> <li>+ Nhà máy,</li> <li>+ Cửa hàng,</li> <li>+ Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8121 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 60. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2511 |
| 61. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2396 |
| 62. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nhôm từ alumin<br>- Sản xuất hợp kim nhôm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2420 |
| 63. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5911 |
| 64. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3313 |
| 65. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6399 |
| 66. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp. Các đơn vị được phân loại vào nhóm này có thể cung cấp các cấu phần phần cứng, phần mềm của hệ thống như một phần các dịch vụ tổng thể của họ hoặc các cấu phần này có thể được cung cấp bởi bên thứ ba. Các đơn vị này thường thực hiện cài đặt hệ thống, đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống. | 6202 |
| 67. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |
| 68. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6209 |
| 69. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811 |
| 70. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812 |
| 71. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn các thiết bị máy móc xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 72. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>Chi tiết:<br>- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước<br>- Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3700 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 73. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết:<br>- Trồng cây, chăm sóc và duy trì: Công viên và vườn hoa, Nhà riêng và công cộng, Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...), Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...), Tòa nhà công nghiệp và thương mại;<br>- Trồng cây xanh cho: Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà), Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf), Trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng.<br>- Thiết kế và dịch vụ xây dựng phụ | 8130 |
| 74. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2817 |
| 75. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1610 |
| 76. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1621 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM DUY TOÀN Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 04/11/1968 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 121842191  
 Ngày cấp: 22/10/2020 Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Giang  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Sậm, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang